



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên (từ ngày 26/6/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020)
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020)
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành (từ 1/1/2020)
	Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00269-20-1



Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		889.424.184.500	894.705.391.659
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	10.099.364.802	16.093.433.378
Tiền	111		10.099.364.802	16.093.433.378
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.033.145.329	15.283.145.329
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	24.033.145.329	15.283.145.329
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.135.757.687	247.466.510.946
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	226.348.477.550	198.776.499.124
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.236.212.646	29.719.519.474
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		576.600.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	7.214.336.280	23.599.161.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(5.239.868.789)	(5.239.868.789)
Hàng tồn kho	140	13	554.947.033.810	581.752.111.087
Hàng tồn kho	141		565.140.955.547	582.229.097.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.193.921.737)	(476.986.153)
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.208.882.872	34.110.190.919
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	6.444.327.515	8.128.995.064
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.764.555.357	25.981.195.855

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		644.500.576.360	636.701.895.689
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.935.109.000	4.384.390.930
Phải thu về cho vay dài hạn	215		935.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.999.909.000	3.374.190.930
Tài sản cố định	220		489.437.601.997	492.643.538.690
Tài sản cố định hữu hình	221	14	488.532.018.945	491.362.742.109
Nguyên giá	222		1.371.840.978.887	1.321.349.755.527
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(883.308.959.942)	(829.987.013.418)
Tài sản cố định vô hình	227	15	905.583.052	1.280.796.581
Nguyên giá	228		9.684.232.373	9.485.881.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.778.649.321)	(8.205.085.192)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.242.195.691	34.574.549.250
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	44.242.195.691	34.574.549.250
Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.380.254.789	85.152.013.769
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(25.552.347.211)	(25.780.588.231)
Tài sản dài hạn khác	260		21.505.414.883	19.947.403.050
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	21.505.414.883	19.947.403.050
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.533.924.760.860	1.531.407.287.348

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.121.648.536.099	1.081.121.891.600
Nợ ngắn hạn	310		886.683.424.183	830.326.304.679
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	230.909.441.285	222.237.728.716
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.161.643.483	5.873.194.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	24.238.770.191	7.575.453.664
Phải trả người lao động	314		210.889.243.684	285.792.259.695
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.491.474.475	3.885.294.131
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		1.090.909.091	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	73.602.696.133	14.492.651.302
Vay ngắn hạn	320	22(a)	231.287.474.738	220.286.814.127
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	73.011.771.103	70.182.908.271
Nợ dài hạn	330		234.965.111.916	250.795.586.921
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn	336		545.454.545	-
Vay dài hạn	338	22(b)	223.678.897.419	238.906.027.334
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		412.276.224.761	450.285.395.748
Vốn chủ sở hữu	410	24	412.276.224.761	450.285.395.748
Vốn cổ phần	411	25	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	128.382.421.384	110.084.210.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.893.803.377	115.201.185.018
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.193.614.548	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		27.700.188.829	115.201.185.018
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.533.924.760.860	1.531.407.287.348

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.498.400.929.509	1.983.463.753.530
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		747.523.899	372.857.902
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.497.653.405.610	1.983.090.895.628
Giá vốn hàng bán	11		1.390.207.707.113	1.830.399.281.848
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		107.445.698.497	152.691.613.780
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	14.713.456.618	10.851.176.528
Chi phí tài chính	22	31	14.474.355.131	21.760.630.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.990.483.471	13.852.459.720
Chi phí bán hàng	25	32	29.700.364.746	32.711.075.284
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	48.230.319.483	52.590.114.213
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.754.115.755	56.480.970.561
Thu nhập khác	31	34	2.000.515.917	1.023.160.653
Chi phí khác	32	35	827.387.794	949.906.733
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.173.128.123	73.253.920
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.927.243.878	56.554.224.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	3.227.055.049	2.327.987.779
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		27.700.188.829	54.226.236.702

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.927.243.878	56.554.224.481
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		63.740.727.928	83.328.844.608
Các khoản dự phòng	03		9.488.694.564	3.610.069.929
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		950.285.727	2.031.778.788
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.571.410.461)	(3.217.886.411)
Chi phí lãi vay	06		7.990.483.471	13.852.459.720
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		109.526.025.107	156.159.491.115
Biến động các khoản phải thu	09		(19.386.954.125)	(200.834.906.119)
Biến động hàng tồn kho	10		17.088.141.693	128.664.673.804
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(7.605.298.493)	(61.550.565.864)
Biến động chi phí trả trước	12		126.655.716	(2.706.717.039)
			99.748.569.898	19.731.975.897
Tiền lãi vay đã trả	14		(8.000.018.936)	(13.804.559.406)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.604.344.551)	(3.269.064.211)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		215.821.774	254.079.435
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.846.318.758)	(6.841.396.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		83.513.709.427	(3.928.965.157)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(77.463.400.246)	(44.761.784.505)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		681.818.182	145.545.454
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(8.755.000.000)	(830.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		114.600.000	412.900.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.282.592.279	1.298.499.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.139.389.785)	(43.734.839.352)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.198.872.516.034	1.433.695.349.189
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.204.205.691.805)	(1.331.703.087.064)
Tiền trả cổ tức	36		(35.212.447)	(56.086.685.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.368.388.218)	45.905.577.125
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(5.994.068.576)	(1.758.227.384)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		16.093.433.378	22.653.298.944
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	10.099.364.802	20.895.071.560

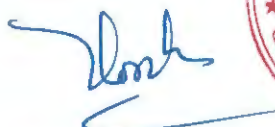
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ tháng 1 năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu. Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số hạn chế về cách ly xã hội, giãn cách xã hội cũng như các hạn chế đối với giao thương, gây ra sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Thành phố Đà Nẵng, Tổng Công ty đã và đang theo dõi chặt chẽ diễn biến của đại dịch do Covid-19 gây ra, đồng thời thực hiện đánh giá và ứng phó tích cực trước ảnh hưởng đối với kết quả hoạt động kinh doanh, và áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của Tổng Công ty. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, công việc đánh giá và ứng phó vẫn được tiếp tục thực hiện.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có 9.109 nhân viên (1/1/2020: 9.243 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	67.301.756	48.483.000
Tiền gửi ngân hàng	10.032.063.046	16.044.950.378
	<hr/> 10.099.364.802	<hr/> 16.093.433.378

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,75% đến 7,7% (1/1/2020: từ 6,2% đến 7,7%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2020					1/1/2020				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.243.750.706)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(2.303.967.220)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	(526.095.641)	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(12.746.758.097)	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.183.461.654)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(293.539.691)	-	100%	100%	2.000.000.000	(103.601.930)
					92.748.900.000	(14.810.144.135)					
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.586.501.076)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(3.790.455.319)
					10.428.000.000	(3.586.501.076)					
					92.748.900.000	(14.810.144.135)					
					10.428.000.000	(3.790.455.319)					



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ	30/6/2020					1/1/2020					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(855.702.000)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(7.155.702.000)					
					110.932.602.000	(25.552.347.211)					
							110.932.602.000 (25.780.588.231)				

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	26.167.618.469	11.483.575.394
Kuraray Trading Co., Ltd	20.078.765.020	14.279.004.420
Công Ty Scavi Huế	19.897.050.800	-
Supreme International LLC	19.166.650.769	12.314.022.810
Haggar Canada Co.	18.191.391.073	10.190.165.438
Hultafors Group AB	16.657.484.553	-
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	12.582.012.332	20.603.670.118
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Các khách hàng khác	93.607.504.534	73.507.908.636
	226.348.477.550	198.776.499.124

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 161.000 triệu VND (1/1/2020: 161.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	308.148.496	182.883.842
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	26.167.618.469	11.483.575.394
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	4.373.583.367	133.128.055
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	20.066.552	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	6.199.790	-
	30.875.616.674	11.799.587.291

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.826.950.194	20.148.452.031
Phải thu về cổ tức	1.607.000.000	-
Tạm ứng	789.047.719	838.622.071
Phải thu khác	1.991.338.367	2.612.087.035
	<hr/>	<hr/>
	7.214.336.280	23.599.161.137
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2020			Thời gian quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	-		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(5.239.868.789)</u>			<u>(5.239.868.789)</u>		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	64.683.680.719	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	135.472.153.308	-	131.806.812.804	-
Công cụ và dụng cụ	268.661.921	-	272.269.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	205.052.060.447	-	253.102.387.481	-
Thành phẩm	141.056.146.542	(10.193.921.737)	115.126.808.300	(476.986.153)
Hàng hóa	4.527.292.385	-	3.776.301.534	-
Hàng gửi đi bán	14.080.960.225	-	16.226.967.128	-
	565.140.955.547	(10.193.921.737)	582.229.097.240	(476.986.153)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 43.924 triệu VND (1/1/2020: 2.101 triệu VND) hàng thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 267.000 triệu VND (1/1/2020: 265.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	281.291.392.471	905.639.983.730	37.867.123.965	6.788.550.282	89.762.705.079	1.321.349.755.527
Tăng trong kỳ	585.127.466	6.725.827.358	360.599.438	34.500.000	774.226.148	8.480.280.410
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	43.597.695.403	8.258.464.822	-	-	-	51.856.160.225
Thanh lý	-	(9.845.217.275)	-	-	-	(9.845.217.275)
Số dư cuối kỳ	325.474.215.340	910.779.058.635	38.227.723.403	6.823.050.282	90.536.931.227	1.371.840.978.887
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	119.130.159.107	617.112.612.254	27.889.304.565	5.399.228.297	60.455.709.195	829.987.013.418
Khấu hao trong kỳ	8.093.995.890	47.841.161.100	1.445.711.262	353.563.650	5.432.731.897	63.167.163.799
Thanh lý	-	(9.845.217.275)	-	-	-	(9.845.217.275)
Số dư cuối kỳ	127.224.154.997	655.108.556.079	29.335.015.827	5.752.791.947	65.888.441.092	883.308.959.942
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	162.161.233.364	288.527.371.476	9.977.819.400	1.389.321.985	29.306.995.884	491.362.742.109
Số dư cuối kỳ	198.250.060.343	255.670.502.556	8.892.707.576	1.070.258.335	24.648.490.135	488.532.018.945

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 472.209 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 457.925 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 328.836 triệu VND (1/1/2020: 300.147 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 22(a)) và dài hạn (Thuyết minh 22(b)) của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	9.485.881.773
Tăng trong kỳ	198.350.600
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.684.232.373
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.205.085.192
Khấu hao trong kỳ	573.564.129
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.778.649.321
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.280.796.581
Số dư cuối kỳ	905.583.052
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.245 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 3.895 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	34.574.549.250	700.431.824
Tăng trong kỳ	61.523.806.666	28.853.677.545
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.856.160.225)	(26.500.377.901)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	44.242.195.691	3.053.731.468
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhà máy May Triệu Phong	20.743.142.108	339.482.363
Lô bộ cọc NOVIBRA HP-S68 của 6 máy sợi con Compact	23.470.553.583	4.442.285.100
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom – văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty Khác	28.500.000	2.841.983.614
	28.500.000	608.525.460
	44.242.195.691	34.574.549.250

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.221.318.080	1.273.613.628
Công cụ và dụng cụ	1.896.150.526	1.933.789.593
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.447.808.839	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.879.050.070	4.332.702.955
	6.444.327.515	8.128.995.064

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	12.406.111.463	7.541.291.587	19.947.403.050
Tăng trong kỳ	5.025.814.222	2.577.558.521	7.603.372.743
Phân bổ trong kỳ	(4.682.416.548)	(1.362.944.362)	(6.045.360.910)
Số dư cuối kỳ	12.749.509.137	8.755.905.746	21.505.414.883

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	40.700.287.779	34.194.954.604
Hultafors Group AB	19.149.718.643	26.352.941.612
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	14.406.851.125	10.607.188.352
Louis Dreyfus Commodities LLC	13.419.648.000	-
ICT Trading S.A	9.696.098.968	-
Jess Smith & Sons Cotton LLC	8.075.205.154	-
Toyo Cotton Co.	7.175.318.040	-
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	6.561.272.196	8.603.204.098
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	5.237.723.328	2.667.745.423
Fujian Jing Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	4.667.073.998	4.427.898.042
Kufner Hongkong Limited	2.356.038.208	4.111.834.977
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Carmen International Corporation	-	10.270.057.281
Các nhà cung cấp khác	99.464.205.846	104.711.005.288
	230.909.441.285	222.237.728.716

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	40.700.287.779	34.194.954.604
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	-	530.019.630
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	6.561.272.196	8.603.204.098
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.387.701.688	3.334.000.925
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	-	103.455.000
	48.649.261.663	46.765.634.257

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.821.671.181	43.967.707.591	(30.717.051.511)	19.072.327.261
Thuế nhập khẩu	16.162.399	240.355.137	(256.517.536)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.604.344.551	3.227.055.049	(1.604.344.551)	3.227.055.049
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	1.523.477.128	(1.640.266.615)	16.486.046
Tiền thuê đất	-	1.922.901.835	-	1.922.901.835
Các loại thuế khác	-	271.288.721	(271.288.721)	-
	7.575.453.664	51.152.785.461	(34.489.468.934)	24.238.770.191

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hoạt động	2.040.448.815	2.110.528.724
Chi phí lãi vay	146.720.581	156.256.046
Các khoản trích trước khác	304.305.079	1.618.509.361
	2.491.474.475	3.885.294.131

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Kinh phí công đoàn	11.112.157.874	11.403.989.363
Bảo hiểm xã hội	2.118.252.733	-
Bảo hiểm y tế	381.761.170	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	169.689.715
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	169.720.098	46.573.547
Cổ tức phải trả	57.008.923.600	794.136.047
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	755.485.878	755.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.896.394.780	1.322.776.752
	73.602.696.133	14.492.651.302

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	186.235.161.933	1.198.872.516.034	(1.185.950.653.000)	350.131.405	199.507.156.372
Vay dài hạn đến hạn trả	34.051.652.194	15.889.583.511	(18.255.038.805)	94.121.466	31.780.318.366
	220.286.814.127	1.214.762.099.545	(1.204.205.691.805)	444.252.871	231.287.474.738

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,7% - 2,8%	86.929.500.862	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,7% - 3,0%	60.040.839.661	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	2,7%	21.968.639.418	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,0%	-	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	2,7%	28.195.997.251	20.360.832.675
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	2,7%	2.192.179.180	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10,0%	180.000.000	180.000.000
			199.507.156.372	186.235.161.933

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay dài hạn	255.459.215.785	272.957.679.528
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(31.780.318.366)	(34.051.652.194)
	223.678.897.419	238.906.027.334

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại	Lãi suất năm	Năm	30/6/2020	1/1/2020
	tiền		đáo hạn	VND	VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	14.590.583.347	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	1.265.903.819	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	1.604.579.156	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	14.682.110.704	17.630.753.393
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	6.989.400.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		LIBOR +			
- Công ty mẹ (iii)	USD	0,7%	2039	216.326.638.759	217.486.346.687
				255.459.215.785	272.957.679.528

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	70.182.908.271	53.823.477.760
Trích lập trong kỳ	9.459.359.816	23.602.191.144
Tăng khác	215.821.774	254.079.435
Sử dụng trong kỳ	(6.846.318.758)	(6.841.396.872)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	73.011.771.103	70.838.351.467

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	54.226.236.702	54.226.236.702
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	(23.602.191.144)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	225.000.000.000	110.084.210.730	54.226.236.702	389.310.447.432
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	27.700.188.829	27.700.188.829
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	225.000.000.000	128.382.421.384	58.893.803.377	412.276.224.761

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2020 và 1/1/2020		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (30/6/2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	33.419.100.299	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	112.293.236.856	92.392.595.877
Sau năm năm	109.764.231.392	143.821.017.920
	255.476.568.547	258.912.804.553

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	290.346	6.713.327.771	44.572	1.029.972.167
EUR	227	5.833.829	233	6.002.634
		6.719.161.600		1.035.974.801

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	64.976.500.000	69.860.000.000
	64.976.500.000	69.860.000.000

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.090.592.279	1.298.499.699
Cổ tức được chia	1.799.000.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.785.418.654	7.717.133.287
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.445.685	36.543.542
	14.713.456.618	10.851.176.528
	14.713.456.618	10.851.176.528

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.990.483.471	13.852.459.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.761.826.953	2.266.321.813
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	950.285.727	2.031.778.788
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(228.241.020)	3.610.069.929
	14.474.355.131	21.760.630.250
	14.474.355.131	21.760.630.250

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.829.142.419	2.409.098.126
Chi phí vật liệu, bao bì	230.288.670	54.641.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.939.144	283.366.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.544.962.025	23.425.731.382
Chi phí khác	5.692.032.488	6.538.238.318
	29.700.364.746	32.711.075.284
	29.700.364.746	32.711.075.284

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.577.969.554	28.129.552.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.087.035.470	4.326.274.290
Thuế, phí và lệ phí	1.599.847.622	1.724.165.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.814.957.027	8.115.689.874
Chi phí khác	11.150.509.810	10.294.431.700
	<hr/>	<hr/>
	48.230.319.483	52.590.114.213
	<hr/>	<hr/>

34. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	681.818.182	120.386.712
Các khoản thu nhập khác	1.318.697.735	902.773.941
	<hr/>	<hr/>
	2.000.515.917	1.023.160.653
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tiền phạt hợp đồng	26.256.561	357.281.689
Các khoản chi phí khác	801.131.233	592.625.044
	<hr/>	<hr/>
	827.387.794	949.906.733
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	724.625.221.548	1.036.726.379.481
Chi phí nhân viên	429.406.296.078	484.466.512.704
Chi phí khấu hao và phân bổ	63.740.727.928	83.328.844.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	217.810.556.369	243.516.136.182

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.227.055.049	2.327.987.779

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.927.243.878	56.554.224.481
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.092.724.388	5.655.422.448
Ưu đãi thuế	-	(2.074.026.684)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	401.728.705	222.762.548
Chi phí không được khấu trừ thuế	114.133.199	81.450.041
Thu nhập không bị tính thuế	(179.900.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	(117.349.000)	(191.564.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(84.282.243)	(1.186.156.574)
	3.227.055.049	2.327.987.779

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.561.086.182	1.618.500.199
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.688.283.114	22.672.440.142
Chi phí lãi vay	3.142.315.292	3.046.124.377
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.326.162.726	2.852.629.092
Mua hàng hóa và dịch vụ	441.388.719	1.119.326.802
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	247.914.841	112.940.768
Mua hàng hóa và dịch vụ	24.001.502.512	23.444.389.870
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	371.535.367	476.774.048
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.692.733.107	30.017.113.056
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.355.272	26.628.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.997.455.577	4.204.876.401
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	37.354.428.482	44.276.762.195
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.049.274.592	2.838.814.391
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	509.576.495	336.956.346
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.760.440.534	28.361.738.610
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.852.680	71.370.437
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.774.065.985	38.758.157.257
Cổ tức công bố	1.607.000.000	1.607.000.000
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.851.594.945	10.435.205.946

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế Mua hàng hóa và dịch vụ	36.980.000	930.434.476
Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	995.537.555	1.104.076.201
Thành viên khác trong Ban điều hành Tiền lương và thưởng	4.035.086.034	4.540.360.327
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Thù lao và các khoản khác	861.763.139	742.987.982

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	1.799.000.000

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

 Đặng Thị Oanh Nữ
 Chuyên viên

Người duyệt:

 Nguyễn Thị Tường Long
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Hải
 Tổng Giám đốc

